

Số: 01/PACT

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng HTKT khu tái định cư
và đất ở mới- khu B, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa
(nay là thôn Trạch Xá, xã Ứng Hòa), thành phố Hà Nội.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND xã Ứng Hòa)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, SỞ HỮU TÀI SẢN BỊ THU HỒI:

- Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):

Hộ ông Nghiêm Văn Hồng

- Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):

Hộ ông Nghiêm Văn Hồng

- Số định danh cá nhân: 001073047594

- Hộ khẩu thường trú: Số 11, ngõ 495 Bạch Đằng, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu: 04 khẩu

- Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 1.997,8m².

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ GPMB), Đồng Mạ Ruộng Lợn, Thôn Trạch Xá, xã Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- Diện tích thửa đất bị thu hồi vào dự án: 72,1m². Trong đó:

+ Diện tích trong chỉ giới GPMB: 46,9m².

+ Chiếm 2,3% so với tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng.

+ Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: 252,0m².

- Nguồn gốc: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, GCN QSDĐ số BO 316554, do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 31/12/2013. Loại đất: LUC.

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Bồi thường về đất

Khoản bồi thường, hỗ trợ	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đ) Nghị Quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội và Quyết định 19/2026/QĐ-UBND ngày 02/2/2026 của UBND TP Hà Nội	Tỷ lệ %	Thành tiền (đ)	Ghi chú
Bồi thường đất nông nghiệp	46,9	m ²	155.000	100%	7.269.500	
Tổng tiền:					7.269.500	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi

2.1. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ)

S T T	Tên tài sản	Đường kính	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	Lúa nếp		m ²	46,9	10.900	100	511.210	

Tổng tiền	511.210	
------------------	----------------	--

3. Các khoản hỗ trợ khác

Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền(đ)	Ghi chú
1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp (thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, Điều 16 Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội)	m ²	46,9	775.000	36.347.500	Hỗ trợ 05 lần giá đất nông nghiệp
2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp (thực hiện theo Điều 17 Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội (thu hồi dưới 30% được hỗ trợ 3 tháng).	Khẩu	4 khẩu * 30 kg gạo * 3 tháng * 16.600 đồng		5.976.000	Thu hồi dưới 30% hỗ trợ 03 tháng
3. Thương tiến độ bàn giao mặt bằng: thực hiện theo khoản 1 Điều 20 Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội	m ²	46,9	10.000	469.000	
Tổng				42.576.500	

4. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận: 50.573.210đồng

(Bằng chữ: Năm mươi triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm mười đồng./.

Số: 02/PACT

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng HTKT khu tái định cư
và đất ở mới- khu B, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa
(nay là thôn Trạch Xá, xã Ứng Hòa), thành phố Hà Nội.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND xã Ứng Hòa)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, SỞ HỮU TÀI SẢN BỊ THU HỒI:

- Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):

Bà Tạ Thị Chanh (bà Chanh đã chết) người đại diện là ông Nghiêm Văn Bình

- Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):

Bà Tạ Thị Chanh (bà Chanh đã chết) người đại diện là ông Nghiêm Văn Bình

- Số định danh cá nhân: 001053006448

- Hộ khẩu thường trú: Số 16 Phùng Hưng, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Số nhân khẩu: 02 khẩu

- Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 1.015,8m².

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: Thửa đất số 205, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ GPMB), Đồng Mạ Ruộng Lợn, Thôn Trạch Xá, xã Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- Diện tích thửa đất bị thu hồi vào dự án: 37,7m². Trong đó:

+ Diện tích trong chỉ giới GPMB: 37,7m².

+ Chiếm 3,7% so với tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng.

+ Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: 0,0m².

- Nguồn gốc: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, GCN QSDĐ số BU 844597, do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 23/6/2014. Loại đất: LUC.

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Bồi thường về đất

Khoản bồi thường, hỗ trợ	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đ) Nghị Quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội và Quyết định 19/2026/QĐ-UBND ngày 02/2/2026 của UBND thành phố Hà Nội	Tỷ lệ %	Thành tiền (đ)	Ghi chú
Bồi thường đất nông nghiệp	37,7	m ²	155.000	100%	5.843.500	
Tổng tiền:					5.843.500	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi

2.1. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ)

ST T	Tên tài sản	Đường kính	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	Lúa nếp		m ²	37,7	10.900	100	410.930	

Tổng tiền	410.930	
------------------	----------------	--

3. Các khoản hỗ trợ khác

Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền(đ)	Ghi chú
1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp (thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, Điều 16 Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội)	m ²	37,7	775.000	29.217.500	Hỗ trợ 05 lần giá đất nông nghiệp
2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp (thực hiện theo Điều 17 Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội thu hồi dưới 30% được hỗ trợ 3 tháng).	Khẩu	2 khẩu * 30 kg gạo * 3 tháng * 16.600 đồng		2.988.000	Thu hồi dưới 30% hỗ trợ 03 tháng
3. Thương tiến độ bàn giao mặt bằng: thực hiện theo khoản 1, Điều 20 Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội	m ²	37,7	10.000	377.000	
Tổng				32.474.500	

4. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận: 38.836.930đồng

(Bằng chữ: Ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi đồng./.)

Số: 03/PACT

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới- khu B, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa (nay là thôn Trạch Xá, xã Ứng Hòa), thành phố Hà Nội.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND xã Ứng Hòa)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, SỞ HỮU TÀI SẢN BỊ THU HỒI:

- Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):

Hộ ông Tạ Quang Hòa (ông Hòa đã chết) người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: bà Tạ Thị Thanh Hà, ông Tạ Quang Hợp, bà Tạ Thị Khánh Huyền, ông Tạ Quang Hiếu, bà Tạ Thị Thanh Hương

- Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):

Hộ ông Tạ Quang Hòa (đã chết) người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: bà Tạ Thị Thanh Hà, ông Tạ Quang Hợp, bà Tạ Thị Khánh Huyền, ông Tạ Quang Hiếu, bà Tạ Thị Thanh Hương

- Số định danh cá nhân: 001172032261 (Căn cước công dân Tạ Thị Thanh Hương)

- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 2, phường Từ Liêm, Hà Nội.

- Số nhân khẩu: 05 khẩu

- Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 1.645,2m².

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 01 (theo bản đồ GPMB), Đồng Mạ Ruộng Lợn, Thôn Trạch Xá, xã Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- Diện tích thửa đất bị thu hồi vào dự án: 100,7m². Trong đó:

+ Diện tích trong chỉ giới GPMB: 66,4m².

+ Chiếm 4,0% so với tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng.

+ Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: 34,3m².

- Nguồn gốc: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, GCN QSDĐ số BR 882889, do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 31/12/2013. Loại đất: LUC.

II. PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất

Khoản bồi thường, hỗ trợ	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đ) Nghị Quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội và Quyết định 19/2026/QĐ-UBND ngày 02/2/2026 của UBND thành phố Hà Nội	Tỷ lệ %	Thành tiền (đ)	Ghi chú
Bồi thường đất nông nghiệp	66,4	m ²	155.000	100%	10.292.000	

Tổng tiền:							10.292.000	
-------------------	--	--	--	--	--	--	-------------------	--

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi

2.1. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản(số lượng, đường kính gốc, mật độ)

STT	Tên tài sản	Đường kính	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đ)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	Lúa nếp		m ²	66,4	10.900	100	723.760	
Tổng tiền							723.760	

3. Các khoản hỗ trợ khác

Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền(đ)	Ghi chú
1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp (thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, Điều 16 Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội)	m ²	66,4	775.000	51.460.000	Hỗ trợ 05 lần giá đất nông nghiệp
2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp (thực hiện theo Điều 17 Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội thu hồi dưới 30% được hỗ trợ 3 tháng).	Khẩu	5 khẩu * 30 kg gạo * 3 tháng * 16.600 đồng		7.470.000	Thu hồi dưới 30% hỗ trợ 03 tháng
3. Thường tiền độ bàn giao mặt bằng: thực hiện theo khoản 1, điều 20 Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội	m ²	66,4	10.000	664.000	
Tổng				59.594.000	

4. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận: 70.609.760 đồng

(Bằng chữ: Bảy mươi triệu sáu trăm linh chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng./.)

Số: 04/PACT

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
Khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới- khu B, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa (nay là thôn Trạch Xá, xã Ứng Hòa), thành phố Hà Nội.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND xã Ứng Hòa)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, SỞ HỮU TÀI SẢN BỊ THU HỒI:

- Họ và tên người sử dụng đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):

Hộ ông Lê Văn Long

- Họ và tên người sở hữu tài sản trên đất (hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật):

Hộ ông Lê Văn Long

- Số định danh cá nhân: 001092046845

- Hộ khẩu thường trú: Thôn Trạch Xá, xã Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- Số nhân khẩu: 04 khẩu

- Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: 7.653,6m².

- Địa chỉ nơi thu hồi đất: Thửa đất số 6 và số 153, tờ bản đồ số 1, Loại đất: LUC, Đồng Mạ Ruộng Lợn, thôn Trạch Xá, xã Ứng Hòa (Bản đồ phục vụ công tác BTHT&TĐC)

* Diện tích thửa đất bị thu hồi vào dự án: 7.030,8m².

* Diện tích trong chỉ giới GPMB: 1.015,5m² (Chiếm 13,27% so với tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng) Trong đó:

+ Có 727,6m² đất thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.742,9m² theo BĐ phục vụ công tác GPMB đã được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri BR 841851, cấp ngày 31/12/2013, tại thửa số 195, tờ bản đồ số 26, diện tích 6.742,9m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước.

+ Có 287,9m² thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 01, diện tích 287,9m² theo BĐ phục vụ công tác GPMB đã được UBND huyện Ứng Hòa cấp GCN QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri BR 841852, cấp ngày 31/12/2013, tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 25, diện tích 287,9m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

* Diện tích ngoài chỉ giới GPMB: 6.015,3m².

* Mục đích sử dụng đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

* Nguồn gốc: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất

Khoản bồi thường, hỗ trợ	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đ) Nghị Quyết 52/2025/NQ- HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội và Quyết định 19/2026/QĐ-UBND ngày 02/2/2026 của UBND thành phố Hà Nội	Tỷ lệ %	Thành tiền (đ)	Ghi chú
Bồi thường đất nông nghiệp	1.015,5	m ²	155.000	100%	157.402.500	

Tổng tiền:	157.402.500
-------------------	--------------------

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi

2.1. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ)

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Kích thước, đường kính, chiều cao, năng suất	Số lượng	Đơn giá (đ)	Tỷ lệ BT,HT (%)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
* Thửa số 6, tờ bản đồ số 1:								
1	Cây Chuối	đ/Cây	Có buồng	25	43.500	50%	543.750	
			Cao \geq 1m; chưa có buồng	63	21.800	50%	686.700	
			Cao < 1m	32	7.700	50%	123.200	
2	Cây Sung	đ/Cây	10cm \leq ĐK thân<20cm; cao 1,5m \leq cao \leq 2m	1	152.300	50%	76.150	
3	Cây Nhãn	đ/Cây	3cm \leq ĐK thân<5cm; cao 1,5m \leq cao \leq 2m	1	92.500	50%	46.250	
4	Lá Lót	m ²		1	4.400	50%	2.200	
5	Cây Bưởi	đ/Cây	1cm \leq ĐK thân<3cm; cao \leq 1m	5	17.400	50%	43.500	
6	Cây Ổi	đ/Cây	3cm \leq ĐK thân<5cm; cao 0,5m \leq cao \leq 1m	2	43.500	50%	43.500	
7	Cây Đu Đủ	đ/Cây	Cao \geq 0,5m, đang có quả	3	65.300	50%	97.950	
8	Cây Sưa	đ/Cây	1cm<Đk thân <3cm	7	21.800	50%	76.300	
9	Cây Xoan	đ/Cây	3cm \leq ĐK thân<5cm	6	21.800	50%	65.400	
10	Cá thít nuôi bình thường năng suất < 7 tấn/ha	đ/m ²	diện tích mặt nước: 11,3m x 21,0 m	237,3	10.900	50%	1.293.285	
* Thửa số 153, tờ bản đồ số 1:								
1	Lúa nếp	đ/m ²	1.015,5	287,9	10.900	100%	3.138.110	
Tổng tiền							6.236.295	

3. Các khoản hỗ trợ khác

Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền(đ)	Ghi chú
1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp (thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, Điều 16 Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội)	m ²	1.015,5	775.000	787.012.500	Hỗ trợ 05 lần giá đất nông nghiệp
2. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp (thực hiện theo Điều 17 Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội thu hồi dưới 30% hỗ trợ 3 tháng).	Khẩu	4 khẩu * 30 kg gạo * 3 tháng * 16.600 đồng		5.976.000	Thu hồi dưới 30% hỗ trợ 03 tháng
3. Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: Thực hiện theo khoản 1, điều 20 Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.	m ²	1.015,5	10.000	10.000.000	
Tổng				802.988.500	

4. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận: 966.627.295 đồng

(Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng./.)